

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:27/2018/QĐST- HNGĐ

B T, ngày 12 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 12/2018/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M , sinh năm 1984; Trú tại: Thôn 4 P Đ, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

- Bị đơn: Anh Trần Thanh T , sinh năm 1984; Trú tại: Thôn 4 P Đ, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 05 tháng 3 năm 2018, về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án,

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 05 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Thanh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**Về con chung:* Vợ chồng chị M, anh có 03 con chung tên là Trần Chí B, sinh ngày 03/02/2002, Trần Chí Ph, sinh ngày 20/10/2009 và Trần Thị Tố Tr, sinh ngày 24/4/2011. Sau khi ly hôn hai đương sự thống nhất giao con Trần Chí B, sinh ngày 03/02/2002 và Trần Thị Tố Tr, sinh ngày 24/4/2011 cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao con Trần Chí Ph, sinh ngày 20/10/2009 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không bên nào phải đóng góp phí tổn nuôi con cho bên nào. Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm và chăm sóc con chung. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

** Về tài sản chung:* Các đương sự thỏa thuận tự phân chia.

** Về án phí:* Áp dụng khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị M thỏa thuận chịu 150.000đ án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA /2017/0002707 ngày 15/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Chị M được nhận lại 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAQB;
- VKSND huyện B (2 bản);
- Chi cục THADS huyện B;
- Hai đương sự (2 bản);
- UBND xã P;
- Lưu HSVA;
- Lưu AV.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH
THẨM PHÁN**

(Đã ký)

Nguyễn Phú Quảng